

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày 03/4/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỎ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên

Ông Đèo Văn Vĩnh

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Đoàn - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T T M, sinh năm ...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh T V H, sinh năm ...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” cùng các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị T T M trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T T M và anh T V H về chung sống từ năm 2013 và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu. Sau khi chung sống với nhau hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh H có sử dụng và nghiện chất ma túy, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, mắng chửi nhau, bất đồng quan điểm sống trong cách làm ăn, sinh sống. Việc anh chị xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, hiện nay chị và anh H đã ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay. Hiện chị M

không còn tình cảm với anh H, do vậy chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T V H.

2. Về con chung: Chị T T M và anh T V H có 03 con chung là cháu T T X, sinh ngày .., T T M, sinh ngày .. và T T H, sinh ngày ... Sau khi ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T T X và cháu T T H cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi và không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung chị không yêu cầu giải quyết, không có nợ chung, cho vay chung.

* Sau khi chị T T M nộp đơn ly hôn và Tòa án thụ lý vụ án, anh T V H mặc dù biết chị M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ đến Tòa án để làm việc nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết Tòa án xác minh làm việc với bà T S M là mẹ đẻ của anh T V H và chị C M H là chị dâu của anh T V H thể hiện: Sau khi chị M và anh H sau khi hai anh chị về ở với nhau và đăng ký kết hôn thì chung sống bình thường, tuy nhiên mấy năm gần đây thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi cọ nhau, hai bên gia đình đã gọi anh chị hòa giải nhưng không có kết quả. Việc chị M làm đơn ly hôn bà M không có ý kiến gì, anh H biết việc chị M làm đơn ly hôn, tòa án triệu tập nhưng anh H bận việc không về được để giải quyết và không có ý kiến gì. Anh H vẫn thi thoảng về thăm con và gia đình.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T T M và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M được ly hôn với anh H; Về con chung: Giao con chung tên là cháu T T X và cháu T T H cho chị T T M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, giao con chung tên là cháu T T M cho anh T V H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn chị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T V H tuy không rõ hiện nay đang đi làm và cư trú ở đâu nhưng có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Chị M có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 15/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H và chị M là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T T M và anh T V H tự nguyện về chung sống từ năm 2013 và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, việc chung sống và kết hôn đều trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị M và anh H hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H sử dụng và nghiện chất ma túy, từ đó vợ chồng anh chị xảy ra cãi vã, mắng chửi nhau, bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã được gia đình hòa giải mâu thuẫn nhưng anh chị vẫn không thể quay lại chung sống với nhau, anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay. Hiện chị M không còn tình cảm, không còn yêu thương anh H nên chị xin được ly hôn với anh T V H.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị M và anh H kéo dài và đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, giữa chị M và anh H không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa. Đặc biệt chị M không còn tình cảm yêu thương đối với anh H, không còn hạnh phúc khi chung sống với anh H, trong thời gian ly thân anh H, chị M cũng không tìm cách để hàn gắn tình cảm. Xét thấy

hôn nhân giữa chị M và anh H đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện chính quyền bản A xã B cũng đã xác định giữa chị M và anh H có mâu thuẫn, việc mâu thuẫn là do anh H có nghiện chất ma túy, không chịu làm ăn, sản xuất và đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Do vậy yêu cầu khởi kiện của chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T T M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là các cháu T T X và T T H cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Xét thấy, nghề nghiệp của anh H là làm ruộng nương tại địa phương và đi làm thuê, mức thu nhập không ổn định, chính quyền địa phương xác định nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do anh H có sử dụng chất ma túy và hiện nay vẫn sử dụng chất ma túy, anh H có thi thoảng về nhà để thăm nom các con, còn chị M hiện đang làm công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng. Cháu H hiện đang còn nhỏ, sinh năm 2018, từ khi chị M và anh H sống ly thân đến nay thì các cháu vẫn đang ở với chị M. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu T T X trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ còn cháu M có nguyện vọng được ở với bố trong trường hợp anh H và chị M ly hôn. Bố, mẹ đẻ của chị M là ông T D H và bà T S M đều nhất trí hỗ trợ chị M trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu, bố mẹ đẻ của anh T V H là bà T S M và ông T P C cũng nhất trí hỗ trợ anh H trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu sau khi anh H và chị M ly hôn. Xét nguyện vọng, ý kiến của các cháu và ý kiến của bố mẹ đẻ, các điều kiện, hoàn cảnh của anh H và chị M. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của các cháu, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu X và cháu H cho chị M, giao cháu M cho anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T T M và anh T V H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Chị T T M không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T T M đã có đơn xin miễn án phí do vậy được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do vậy, quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T T M được ly hôn với anh T V H.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu T T X, sinh ngày .. và T T H, sinh ngày .. cho chị T T M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và giao cháu T T M, sinh ngày .. cho anh T V H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi . Chị T T M và anh T V H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T V H và chị T T M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.
4. Về chia tài sản chung: Chị T T M không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Chị T T M được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi Cục THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B Hồ, H.Phong Thổ;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Trung Tá